

# SỐ HẠNG – TỔNG

## (2 tiết)

### A. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết tên gọi các thành phần của phép tính cộng.
- Ôn tập phép cộng trong phạm vi 10, 100.
- Nhận biết tính chất giao hoán của phép cộng qua các trường hợp cụ thể, GV khái quát bằng lời (chưa nêu tên tính chất). Vận dụng tính chất giao hoán, tính toán hợp lí.

**2. Năng lực chú trọng:** tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

**3. Tích hợp:** Tự nhiên và Xã hội.

### B. Thiết bị dạy học

GV: hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập.

### C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

#### KHỞ ĐỘNG

GV có thể cho HS chơi “Ai nhanh nhất?”.

GV đọc phép tính, HS làm trên bảng con (đội 1: tính ngang, đội 2: đặt tính).

Trong một đội, ai nhanh nhất và đúng, được gắn bảng lên trước lớp.

Cả lớp nhận xét – GV nhận xét.

$$48 + 21 = 69$$

$$\begin{array}{r} 48 \\ + 21 \\ \hline 69 \end{array}$$

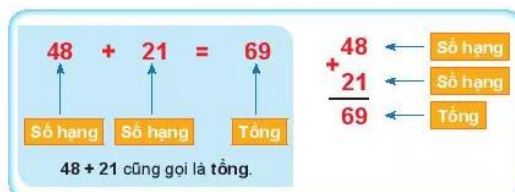
#### BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

#### 1. Giới thiệu tên gọi các thành phần của phép cộng

– GV viết lại phép tính lên bảng lớp:  $48 + 21 = 69$

$$\begin{array}{r} 48 \\ + 21 \\ \hline 69 \end{array}$$

GV giới thiệu tên gọi các thành phần của phép cộng (nói và viết lên bảng như SGK)



- GV lần lượt chỉ vào **48**, **21**, **69**, HS **nói** tên các thành phần: số hạng, số hạng, tổng.
- GV nói tên các thành phần: số hạng, tổng, HS **nói** số: **48** và **21**, **69**.

## 2. Thực hành

### – Gọi tên các thành phần của phép cộng

- HS (nhóm đôi) sử dụng SGK **gọi tên** các thành phần của các phép cộng (theo mẫu).
- Khi sửa bài, ngoài các phép cộng trong SGK, GV nên đưa thêm một số phép cộng khác. Chẳng hạn:  $2 + 5 = 7$ ,  $43 + 31 = 74$ ,  $90 + 6 = 96$ , ...

### – Viết phép cộng

- HS **tìm hiểu** bài: **nhận biết** tính tổng là thực hiện phép cộng, mỗi phép tính cộng thực hiện hai cách viết (hàng ngang và đặt tính), cần **viết** các phép cộng đó ra bảng con.

Ví dụ: **Tính tổng của 22 và 16**

Phép cộng tương ứng là:  $22 + 16 = 38$

$$\begin{array}{r} 22 \\ + 16 \\ \hline 38 \end{array}$$

- Khi sửa bài, HS nên chỉ vào phép cộng đã viết và **gọi tên** các thành phần.

Ví dụ: **22 là số hạng, 16 là số hạng**  
**38 là tổng.**

$22 + 16 = 38$
----------------

## LUYỆN TẬP

### Bài 1:

- HS **tìm hiểu** bài, **nhận biết** tính tổng các số hạng là cộng các số hạng.
- HS **thực hiện** (bảng con).
- Sửa bài:

- HS **làm** trên bảng lớp (mỗi HS làm một phép tính).
- HS gọi tên các thành phần của phép tính.

\* Lưu ý: GV cũng có thể đọc lần lượt từng phép tính, cho cả lớp thực hiện trên bảng con, rồi chọn bảng con của HS đưa lên trước lớp để sửa bài.

### Bài 2:

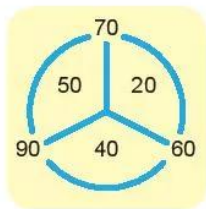
- **Tìm hiểu** bài.
    - Yêu cầu của bài là gì? (**Số?**).
    - Tìm thế nào? (Tổng hai số cạnh nhau là số ở trên hai số đó, dựa vào sơ đồ tách – gộp số: gộp 3 và 1 được 4; gộp 1 và 4 được 5. Gộp 4 và 5 được mấy?).
  - HS **làm** bài theo nhóm đôi.
- GV lưu ý HS dựa vào cách gộp để kiểm tra kết quả.
- Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm.

### Bài 3:

- **Tìm hiểu** bài.
    - Yêu cầu của bài là gì? (**Số?**)
    - Tìm thế nào? (Ba số theo cột hay theo hàng đều có tổng bằng 10: **gộp 3 và 1 và 6 được 10**; gộp 6 và 2 và 2 được 10; gộp 2 và 5 và mấy để được 10; ...)
  - HS **làm** bài.
- GV lưu ý HS dựa vào cách gộp để kiểm tra kết quả.
- Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm.

#### Bài 4:

- **Tìm hiểu** bài.
  - Yêu cầu của bài là gì? (**Số?**)
  - Tìm thể nào?



GV giúp HS **nhận biết**:

$$50 + 20 = 70$$

$$20 + 40 = 60$$

$$40 + 50 = 90$$

- HS **làm** bài theo nhóm đôi.
- Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm.

#### Bài 5:

a) GV cho HS **xác định** yêu cầu của bài: Nói câu chuyện – thay dấu (?) bằng số thích hợp – đặt câu hỏi cho bài toán.

b) Tìm cách **làm**: viết hai phép tính cộng.

– HS **làm** bài theo nhóm đôi, mỗi em viết một phép tính vào bảng con.

GV lưu ý HS dựa vào cách gộp để kiểm tra kết quả.

– Sửa bài: GV khuyến khích nhiều nhóm **trình bày** (có **giải thích** cách làm).

#### Vui học

– HS **nhận xét** về hai phép cộng  $3 + 2 = 5$  và  $2 + 3 = 5$ .

- Các số hạng đều là 3 và 2 nhưng khác vị trí.
- Tổng đều bằng 5.

– GV: Khi ta đổi chỗ các số hạng của tổng thì tổng không thay đổi.

#### Bài 6:

– **Tìm hiểu** mẫu.

HS **nhận biết**  $17 + 22 = 39$ .

– HS **thực hiện** cá nhân.

– Khi sửa bài, GV hỏi HS tại sao tìm được số như vậy.

#### Bài 7:

– **Tìm hiểu** bài.

- HS **đọc** yêu cầu của bài.
- Làm sao để biết trứng nào của gà nào?

– HS nhóm đôi **thảo luận, nhận biết** tổng của hai số ở mỗi quả trứng là số của gà mẹ (ví dụ: tổng của 3 và 6 là 9, đây là trứng của gà số 9).

– HS **thực hiện** và thông báo:

- Tổng của 3 và 6, tổng của 8 và 1 là hai quả trứng của gà số 9.
- Tổng của 2 và 6, tổng của 4 và 4 là hai quả trứng của gà số 8.
- Tổng của 1 và 5, tổng của 0 và 6 là hai quả trứng của gà số 6.

## CỦNG CỐ

### Trò chơi: HỎI NHANH – ĐÁP GỌN

GV chuẩn bị một số bảng con, trên mỗi bảng con viết sẵn một phép cộng. Khi GV đưa bảng con ra, HS **gọi tên** các thành phần của phép tính.

Ví dụ:

$$7 + 3 = 10$$

7 và 3 là số hạng

10 là tổng

$$10 + 24 = 34$$

10 và 24 là số hạng

34 là tổng